Ngày soạn: 1-3-2023

Ngày dạy: 8-3-2023

Tuần 25

Tiết 97:

**BÀI 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn học.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bán thân hiểu hơn về văn bản.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ

- Bước đầu biết viết bài văn về một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về vấn đề trong đời sống, biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

**-** Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

**b. Năng lực riêng:**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận vê' một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đế đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**3. Phẩm chất:**

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

-Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi dẫn vào bài:

+ Em hiểu thế nào là trải nghiệm?

+ Trải nghiệm của em thường gắn với những sự kiện diễn ra ở môi trường nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Trải nghiệm để trưởng thành.  🡪 Trải nghiệm có thể giúp con người trở nên khôn ngoan, chin chắn, dày dặn, cứng cáp hơn 🡺 con người có khả năng trưởng thành từ những trải nghiệm.  - **Thể loại chính**:  *+ Văn bản nghị luận*   * *Bản đồ dẫn đường* * *Hãy cầm lấy và đọc*   *+ Văn bản văn học (thơ)*   * *Nói với con* |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các vấn đề được bàn trong văn nghị luận và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Gv đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Nêu khái niệm văn nghị luận  + Nêu đặc điểm của văn nghị luận (VB nghị luận viết (nói nhằm mục đích gì? Có yếu tố cơ bản nào trong văn nghị luận? Những yếu tố ấy có vai trò gì?  + Trình bày mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Các vấn đề được bàn trong văn bản nghị luận**  **a) Khái niệm**  Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  **b) Các vấn đề được bàn trong văn nghị luận:**  + Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học…đều có thể được nêu ra để bàn trong văn nghị luận.  + Văn bản nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người.  + Trước một vấn đề có thể có nhiều ý kiến khác nhau.  **2. Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.**  **\* Ý kiến**  - Là tư tưởng, quan điểm của người nói/ viết được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán...  - Ý kiến phản ánh quan điểm, tầm nhận thức, vốn hiểu biết, sự tán thành hay phản đối của người viết về vấn đề.  - Bài văn có giá trị thường chứa đựng nhiều ý kiến mới mẻ, sâu sắc, toàn diện, giúp người đọc có thái độ đúng trước vấn đề.  **\* Lí lẽ**  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  - Lí lẽ giúp cho ý kiến trở nên rõ ràng, cụ thể.  - Lí lẽ có hai loại: lí lẽ đồng tình và lí lẽ phản đối.  + Đối diện với một vấn đề, phải tự hỏi bản chất của nó là gì, có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống.  + Tán thành hay phản đối một vấn đề luôn cần nói rõ lí do.  🡪 Đó đều là những câu hỏi cần trả lời để tìm được lí lẽ.  **\* Bằng chứng**  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.  - Diễn giải vấn đề dù lí lẽ sắc bén đến đâu, nhưng nếu không tìm được sự hậu thuẫn của bằng chứng lấy từ thực tế đời sống thì chưa đủ độ tin cậy, thuyết phục, chưa thể tác động sâu sắc đến người đọc được.  🡺 Mối quan hệ mật thiết 🡺 Qua hệ thống ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản nghị luận trở nên rành mạch và chặt chẽ, sắc bén 🡺 Có sức thuyết phục cao |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:** Phân biệt nghị luận xã hội với nghị luận văn học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Nghị luận xã hội** | **Nghị luận văn học** |
| **Vấn đề bàn luận** | Tầm quan trọng, sự thiết yếu của vấn đề đối với cá nhân cũng như cộng đồng. | Trong phạm vi tác phẩm văn học: nhân vật, chi tiết, nội dung, nghệ thuật …của tác phẩm. |
| **Lí lẽ** | - Lí lẽ phải thuộc về chân lí được thừa nhận rộng rãi.  - Lí lẽ phải gần gũi với những quy luật chung của đời sống. | - Diễn giải, cảm thụ, đánh giá nhận xét chủ quan của người viết với vấn đề.  - Ý kiến đánh giá của người khác về vấn đề cũng có thể viện dẫn vào làm lí lẽ bổ trợ. |
| **Bằng chứng** | - Chủ yếu là con người, sự kiện, sự việc có thực trong cuộc đời.  - Nếu lấy từ sách báo hoặc các nguồn thông tin | - Phạm vi trong tác phẩm văn học  - Liên hệ với tác phẩm khác cùng chủ đề, đề tài, nội dung…  - Ít sử dụng/ không sử dụng dẫn chứng đời sống xã hội. |
| **Cách sử dụng ngôn ngữ diễn đạt** | Ngôn ngữ sinh hoạt+ ngôn ngữ nghệ thuật | Ngôn ngữ nghệ thuật |

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ: Tìm một văn bản nghị luận mà em đã đọc, đã học và phân tích mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong bài.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 1-3-2023

Ngày dạy: 9-3-2023

Tuần 25

Tiết 97,98:

**BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

*Da-ni-en Gốt-li-ép*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS cần theo dõi cách diễn giải của tác giả về ý nghĩa của hình ảnh “bản đồ dẫn đường” để nhận thức được rằng: Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mà mục đích đã xác thực.

- HS hiểu được đặc điểm của một VB nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài. Không chỉ nhận biết được từng yếu tố riêng lẻ, mà quan trọng hơn, phải thấy mối quan hệ giữa chúng. Qua đọc VB, HS cũng nắm được cách tổ chức một VB nghị luận (giới thiệu vấn đề, triển khai vấn đề, sắp xếp các ý, phối hợp bằng chứng với lí lẽ, sử dụng những đoạn kể chuyện cho mục đích nghị luận,…)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*Bản đồ dẫn đường*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bản đồ dẫn đường.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có trách nghiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài:

- Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?

- Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường” hay đã có “con đường” do ai đó vạch sẵn?

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** Trưởng thành luôn là một giai đoạn quan trọng của cuộc đời mỗi người mà ai cũng phải trải qua. Từng kỉ niệm, trải nghiệm và bài học trên mỗi bước chân đường đời, có hạnh phúc, vui vẻ, có vấp ngã, đau khổ, nhưng đó cũng đã mang lại cho ta nhiều ý nghĩa. Đến với chủ đề Trái nghiệm để trưởng thành ngày hôm nay, chúng ta sẽ được tiếp xúc với một số văn bản nghị luận bàn về nhiều vấn đề của cuộc sống. Một trong số đó, chúng ta cùng trải nghiệm trong văn bản đầu tiên mang tên ***Bản đồ dẫn đường.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu các yếu tố:  + Tác giả Da-ni-en Gốt-li-ép **(**năm sinh, quê quán, thể loại sáng tác, một số tác phẩm tiêu biểu…)  + Tác phẩm, đoạn trích  **(**thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục, tóm tắt…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  - GV gọi 2 bạn đọc nối tiếp trước lớp.  - Giọng đọc: Đọc lưu loát, rành mạch, ngắt nghỉ đúng. Chú ý hình thức của văn bản: bức thư ông gửi cháu  b. Chú thích  - Dự phòng: chuẩn bị sẵn, đề phòng tình huống không hay xảy ra sẽ dùng đến  - Tĩnh tâm: giữ cho lòng mình thanh thản, khồn xao xuyến, xúc động  **2. Tìm hiểu chung**  a. Tác giả  - Da-ni-en Gốt-li-ép sinh năm 1946  - Quê: Mỹ  - Ngoài sáng tác văn học, ông còn là một bác sĩ, nguời dẫn chương trình trò chuyện trực tuyến, một nhà báo, nhà diễn thuyết...  - Những tác phẩm nổi bật:  + Tiếng nói của xung đột (2001)  + Những bức thư gửi cháu Sam (2006)  + Tiếng nói trong gia đình (2007)  + Học từ trái tim (2008)  + Cảm xúc cuộc sống từ chiếc xe lăn...  b. Tác phẩm  - Xuất xứ: Được trích từ cuốn cuốn: Những bức thư gửi cháu Sam, Thông điệp cuộc sống (Minh Trâm, Hoa Phượng, Ngọc Hân dịch)  - Thể loại: Văn bản nghị luận  - PTBĐ: Nghị luận kết hợp tự sự, biểu cảm  - Bố cục:  *+ Phần 1: Từ đầu... Bước vào bóng tối*  🡪 Kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn  *+ Phần 2: Tiếp...chúng ta trong cuộc sống*  🡪 Giải thích «tấm bản đồ dẫn đường» và vai trò của nó đối với con người  *+ Phần 3: Tiếp...ý nghĩa của cuộc sống là gì?*  🡪 Câu chuyện tìm kiếm tấm bản đồ của ông  *+ Phần 4: Còn lại*  🡪 Những lời khuyên ông dành cho cháu  **- Tóm tắt:** Văn bản được mở đầu bằng cách kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn. Câu chuyện về người đàn ông nọ tìm chìa khóa nhà. Từ đó ông dẫn vào câu chuyện về “tấm bản đồ dẫn đường” với nhiều ý nghĩa.  Từ hình ảnh “tấm bản đồ dẫn đường” ông chia sẻ với cháu những suy nghĩ của mình về cách nhìn nhận, đánh giá bản thân, con người, cuộc sống; cách lựa chọn lối sống cho riêng mình; cho cháu lời khuyên chân thành và ý nghĩa về cách để vượt qua “bóng tối” để trưởng thành; hướng cháu đến cái nhìn tích cực và lạc quan về con người trong cuộc sống; truyền cho cháu động lực để để mạnh mẽ, hiên ngang đối mặt với cuộc đời mình bằng chính kinh nghiệm và lựa chọn của mình. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được vấn đề của văn bản

- Phân tích được nội dung của vấn đề qua các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng

- Phân tích được kết thúc của văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì?  2. [Nêu tác dụng của cách mở đầu vă](https://blogtailieu.com/)n bản bằng việc kể lại câu chuyện cố tính chất ngụ ngôn.  3. Mục đích kể chuyện của người viết?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cách đặt vấn đề nghị luận**  **- Cách giới thiệu vấn đề**: Kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn: câu chuyện tìm chìa khóa của người đàn ông  **- Vấn đề nghị luận**: trong cuộc sống, mỗi người cần tự lựa chọn con đường cho chính mình nhằm đạt được mục đích đã xác định  **- Tác dụng**:  + Bài học được rút ra đã được **kết nối khéo léo với vấn đề nghị luận**.  + Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nhiệm vụ 1: **Cách giải thích hình ảnh «Tấm bản đồ dẫn đường»**  - GV yêu cầu học sinh chia nhóm và hoàn thành Phiếu học tập  - Thời gian: 10 phút    Nhiệm vụ 2: **Vai trò của tấm bản đồ đối với đường đời của con người**  GV đặt câu hỏi: Theo em, tấm bản đồ có vai trò như thế nào đối với đường đời của mỗi con người?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm hoàn thành PHT, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Hình ảnh tấm bản đồ dẫn đường**  **a. Cách giải thích hình ảnh «Tấm bản đồ dẫn đường»**  Vấn đề nghị luận nằm ở ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ “tấm bản đồ” với hai ý nghĩa biểu trưng:  + Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người  +Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân  🡺 Mọi lí lẽ và dẫn chứng trong bài đều xoay quanh việc làm sáng tỏ hai ý nghĩa biểu trưng đó.  **\* Cách nhìn nhận về cuộc đời và con người**  - **Lí lẽ:** Cách nhìn nhận về cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau một cách nhìn tin tưởng, lạc quan; một cách nhìn thiếu tin tưởng, bi quan tất yếu sẽ dẫn đến hai sự lựa chọn khác nhau về đường đời.  *-* **Bằng chứng:** Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và của bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.  🡪 Lí lẽ hợp lí, bằng chứng thực tế từ chính câu chuyện cuộc đời người ông.  **\* Cách nhìn nhận về bản thân**  **- Lí lẽ:** Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “nhìn nhận về bản thân”:  *+ Tôi có phải là người đáng yêu?*  *+Tôi có giàu có, có thông minh?*  *+ Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương?*  *+ Khi gặp khó khăn, tôi sẽ gục ngã, hay chiến đấu một cách ngoan cường?*  *🡪* Người viết lí giải: Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí minh.  **- Bằng chứng:** Câu chuyện về chính cuộc đời ông: Sau vụ tai nạn, ông đã có thay đổi đáng kể để từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì.  🡪 Lí lẽ là những câu hỏi nhìn nhận về bản thân khơi gợi sự đồng cảm, bằng chứng xác thực từ câu chuyện cuộc đời của ông.  **b. Vai trò của tấm bản đồ đối với đường đời của con người**  Quyết định cách nhìn của chúng ta về cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình  Quyết định đối với những thành bại của chúng ta trong cuộc sống |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi:**  + Trong câu chuyện về việc tìm kiếm tấm bản đồ của ông, đã có những ý kiến trái ngược nhau về cá nhìn về con người và cuộc đời, đó là những ý kiến nào, của ai? Nhận xét về cái nhìn trái ngược đó?  + Trong lời khuyên“ông“ muốn“ cháu“ phải làm những điều gì?  + Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Câu chuyện về việc tìm kiếm tấm bản đồ của ông**  \* Sự trái ngược trong cái nhìn về cuộc đời và con người  - “Ông” thì yêu mến và tin tưởng mọi người xung quanh, thấy cuộc đời là chốn an toàn  - Ngược lại, mẹ “ông” thấy cuộc đời là nơi đầy hiểm nguy, cần luôn đề phòng, cảnh giác.  🡪 Chính điều đó đã làm cho “ông” mất tự tin với quan điểm của mình, và trở nên vô cùng khó khăn trong việc xác định tấm bản đồ riêng cho bản thân.  \* Bài học cho «cháu»  - Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quý, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.  - Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: Em hãy nhận xét về cách kết thúc vấn đề của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **4. Kết thúc vấn đề**  **- Trong lời khuyên của “ông“ muốn “ cháu“ làm hai điều:**  + **Thứ nhất**: phải kiếm tìm bản đồ cho chính mình.  + **Thứ hai:** tấm bản đồ đó“cháu“ phải tự vẽ ra bằng chính kinh nghiệm của mình.  **- Việc làm của cháu sẽ giúp cháu biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình.**  ***🡺 Kết thúc vấn đề ngắn gọn, súc tích.*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu …  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  **2. Nội dung**  - Chúng ta cần phải tìm kiếm cho mình tấm bản đồ. Mỗi người có hành trình riêng, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, không thể vay mượn hay bắt chước bất kì ai. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu một số hình ảnh với những câu nói liên quan đến bài học.*

****

****

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS*: Trên “con đường” đi tới tương lai của bản thân, “tấm bản đồ” có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu).

***Đoạn văn tham khảo***

*“Trên "con đường" đi tới tương lai của bản thân, "tấm bản đồ" có vai trò xác định phương hướng, mục tiêu, tránh lầm đường lạc lối. "Tấm bản đồ" ở đây chính là thứ quyết định xem bản thân ta sau này sẽ như thế nào. Nếu ta có một "tấm bản đồ" cho rằng cuộc sống là những lo ấu, bấp bênh, nguy hiểm. Thái độ của chúng ta sẽ là sợ hãi, đề phòng. Nếu ta có một "tấm bản đồ" cho rằng cuộc sống này tuyệt đẹp, là một món quà đáng trân trọng, chúng ta sẽ có thái độ sống tích cực. Mỗi người thường sẽ cảm thấy hạnh phúc khi có những suy nghĩ, thái độ tích cực. Tuy nhiên, "tấm bản đồ" ở đây phải là tấm bản đồ do mỗi người tự tạo ra cho mình, nó là riêng, là duy nhất. Bởi, ta không sống cuộc đời của ai khác mà là của chính mình.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 1-3-2023

Ngày dạy: 9-3-2023

Tuần 25

Tiết 99:

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS củng cố hai khái niệm mạch lạc và liên kết, mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phương tiện liên kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn văn và liên kết các đoạn trong văn bản, chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.

- HS nhận diện các phương tiện liên kết thường sử dụng trong văn bản, phân tích được chức năng của liên kết qua những ngữ liệu cụ thể, vận dụng tri thức về liên kết vào việc viết đoạn văn hoặc tạo lập văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định mạch lạc và liên kết trong văn bản.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra yêu cầu / nhiệm vụ cho HS: **CON MẮT TINH TƯỜNG – VƯỢT MỌI CUNG ĐƯỜNG**

- GV phát bảng ma trận chữ cái (có thể trình chiếu, có thể in ra và phát cho HS). Trong bảng ma trận đó, HS sẽ tìm nhanh các từ khóa sau: TỪ NGỮ, BIỆN PHÁP, MẠCH LẠC, LIÊN KẾT, PHÉP NỐI, PHÉP THẾ, PHÉP LẶP, ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN, QUAN HỆ

- Thời gian thực hiện: 3 phút

- HS nào tìm đúng, đủ và nhanh nhất sẽ chiến thắng

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Cũng giống như những mắt xích, trong một văn bản cũng cần có sự liên kết, mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức. Vậy làm thế nào để liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản? Bài học hôm nay cô trò cùng đi tìm hiểu Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  HS củng cố hai khái niệm mạch lạc và liên kết, mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phương tiện liên kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn văn và liên kết các đoạn trong văn bản, chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn  + Hãy nhắc lại khái niệm Mạch lạc và liên kết.  + Quan sát vào 3 ví dụ trong SGK, trang 59-60 và hoàn thành nhiệm vụ sau:  **Nhiệm vụ 1:** NHẬN DIỆN  + Chỉ ra từ ngữ nối biểu thị quan hệ giữa câu sau và câu trước: *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.*  + Chỉ ra từ ngữ dùng để thay thế cho từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước: *Hai mươi tuổi, chàng thanh niên Lỗ Tấn du học ở Nhật. Ông theo ngành Y.*  + Chỉ ra từ ngữ được lặp lại ở các câu trong đoạn văn sau: *Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thực sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. […] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và không bền vững.*  🡪 Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ 1, HS thực hiện tiếp nhiệm vụ 2. GV có thể chấm chữa xong nhiệm vụ 1 rồi tiếp tục giao nhiệm vụ 2.  **Nhiệm vụ 2:** GHÉP CẶP (HS nối phép liên kết với đặc điểm tương ứng của chúng)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Khái niệm Mạch lạc:**  - Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản; chủ yếu dựa trên sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.  **- Các câu, các đoạn, các phần:**  + Đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề xuyên suốt  + Được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lý trước sau hô ứng 🡪 chủ đề liền mạch và gợi nhiều hứng thú cho người đọc (người nghe)  **2. Khái niệm Liên kết:**  - Là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như:  + từ ngữ nối  + từ ngữ lặp lại  + từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ)….  **3. Nhận diện một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết**  a. Phép nối (đoạn a – “Nhưng”) 🡺 Tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa hai câu liền với nhau  b. Phép thế (Từ ông thay thế cho từ chàng thanh niên Lỗ Tấn ở câu trước) 🡺 Tạo ra sự liên kết giữa hai câu với nhau  c. Phép lặp (từ ông) 🡺 Tạo ra sự liên kết giữa các câu với nhau  🡺 **Phép lặp**: được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ ở câu trước  **Phép thế**: sử dụng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước  **Phép nối**: sử dụng từ ngữ nối |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức làm bài tập 1,2,3,4,5  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  - Nội dung đoạn 1: “Ông” kể cho Sam về cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố ông.  - Nội dung đoạn 2: “Ông” luôn tin tưởng mọi người, ngược lại, mẹ ông thì luôn hoài nghi.  🡪 Do tất cả các câu trong đoạn văn cùng tập trung thể hiện một chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.  **Bài tập 2**  **- Ở đoạn thứ nhất:**  **+** Câu (2) gắn với câu (1) bằng lặp từ ngữ (bản đồ dẫn đường của cháu- tấm bản đồ của ông)  + Câu (3) gắn với câu (2) bằng lặp từ (ông)  + Câu (4) gắn với câu (3) bằng đại từ thay thế (mẹ ông-bà) và lặp lại từ (ông)  + Câu (5) gắn với câu (4) bằng từ ngữ thay thế (quan điểm đó thay cho cụm từ dài nói về quan điểm của bà mẹ) và lặp lại từ (ông)  **- Ở đoạn thứ hai:** tất cả các câu liền kề nhau đều gắn với nhau bằng cách lặp lại từ ông  **Bài tập 3**  - Câu có tác dụng liên kết giữa hai đoạn: “Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông”  - Các phương tiện liên kết đoạn thứ hai: quan hệ từ *nhưng* - chữ đầu tiên nằm ở câu (1) của đoạn thứ hai, bên cạnh đó lặp lại từ *quan điểm* ở đoạn trước cũng có tác dụng liên kết  **Bài tập 4**  - Cách sắp xếp thứ nhất: 2, 4, 1, 5, 3  Nhận xét: một số câu liền kề nhau không còn phương tiện liên kết, nhưng quan trọng hơn, giữa chúng không có mối quan hệ về nội dung  - Cách sắp xếp thứ hai: 7, 3, 4, 6, 1, 5, 2  Nhận xét: về hình thức, phương tiện liên kết (lặp từ *ông*) vẫn tồn tại, song giữa các câu không có sự liên hệ về nội dung.  **🡪 Cả hai đều không hề toát ra chủ đề gì, vì thế, đó không phải là hai đoạn văn, mà chỉ là những câu văn lộn xộn.**  **Bài tập 5**  Khi hoán đổi hai đoạn thì cả hai đoạn không còn quan hệ lô-gíc, tính liên kết với nhau nữa. Đoạn đầu là mở đầu và giới thiệu quan điểm, đoạn sau là nêu ý kiến của bản thân, bình luận, suy nghĩ về quan điểm đó. Chính vì vậy ta không thể đảo vị trí của hai đoạn. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh làm* ***bài tập nhanh: Phân tích tính liên kết nội dung và liên kết hình thức của các đoạn trích sau:***

*Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:*

*“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.*

*Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”.*

*Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây”.*

*“Mẹ mình đang đợi ở nhà” – con bảo – “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.*

*(R. Ta-go, Mây và sóng)*

***Gợi ý:***

***Đoạn thơ của Ta-go có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức:***

***- Về nội dung:***

*+Các câu trong văn bản cùng hướng đến chủ đề: Cuộc trò chuyện của em bé với nhũng người “trên mây”.*

*+ Các câu trong văn bản được sắp xếp theo trình tự của cuộc trò chuyện.*

***- Về hình thức:*** *Các câu trong văn bản được liên kết chặt chẽ bằng các phép liên kết:*

*+ phép lặp: mẹ, họ, được, chơi, con, mây*

*+ phép thế: họ (thế cho những người “trên mây”)*

*+ phép nối: nhưng, liên tưởng: sử dụng trường từ vựng về thiên nhiên (bình minh, vầng trăng, trái đất, trời, mây).*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 1-3-2023

Ngày dạy: 10-3-2023

Tuần 25

Tiết 100:

**HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC**

*- Huỳnh Như Phương-*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hóa đọc,…) Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.

- HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển đoạn và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hãy cầm lấy và đọc*

- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hãy cầm lấy và đọc.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có trách nghiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài:

*+ Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.*

*+ Em thích đọc loại sách nào? Em đã từng thu nhận được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** Sách là một kho tàng tri thức khổng lồ, là tinh hoa của nhân loại. Sách đem đến cho mỗi người rất nhiều điều bổ ích, chữa lành tâm hồn con người, đưa con người tới chiếm lĩnh tri thức và thế giới. Trong văn bản ***Hãy cầm lấy và đọc*** mà chúng ta sẽ được học ngày hôm nay, hãy cùng nhau đi lĩnh hội những tri thức mới nhé.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp và các bạn ngồi dưới đánh giá phần đọc của bạn theo gợi ý sau:    - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu các yếu tố:  + Tác giả Huỳnh Như Phương **(**năm sinh, quê quán, thể loại sáng tác, một số tác phẩm tiêu biểu…)  + Tác phẩm, đoạn trích  **(**thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục, tóm tắt…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **\* Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản**  - Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh  - Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người  - Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta  - Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách  - Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách  - Giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hóa đọc  - Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  Đọc thành tiếng văn bản Hãy cầm lấy và đọc, 2 bạn đọc nối tiếp nhau (GV đọc mẫu đoạn đầu)  + HS đọc nối tiếp; thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc (theo dõi, dự đoán, phân tích, tưởng tượng)  + Trong quá trình đọc, gặp các thẻ câu hỏi theo dõi, phân tích, suy luận dừng lại 1 phút để suy ngẫm  **b. Chú thích**  **+ Tương truyền**: truyền miệng cho nhau nghe trong dân gian từ đời nọ tới đời kia  **+ Sứ mệnh:** nhiệm vụ quan trọng, được coi là thiêng liêng  **+ Mặc khải:** một khả năng đặc biệt mà chúa ban cho, có thể nhận biết trong khoảnh khắc những điều mà người thường không thể biết.  **+ Trung đại:** thời Trung cổ ở các nước châu Âu và thời phong kiến ở các nước phương Đông  **+ Thông điệp:** điều công khai gửi đến mọi người  **+ Tuyệt thực:** nhịn ăn để thể hiện thái độ phản kháng  **+ Cố định hóa:** làm cho giữ nguyên trạng thái, không thay đổi  **+ Phản biện**: đánh giá theo một góc nhìn khác  **+ Tha nhân**: người khác  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Huỳnh Như Phương sinh năm **1955**  - **Quê** ở Quảng Ngãi  - Là giảng viên đai học, nhà nghiên cứu phê bình văn học.  - **Tác phẩm chính**: *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (1986); *Trường phài Hình thức Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn hoc*(2008); *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);..  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Văn bản nghị luận  **- Xuất xứ:** Trích từ cuốn «Hãy nhìn lấy và đọc»  **- PTBĐ:** Nghị luận kết hợp tự sự  **- Bố cục**:  + **Phần 1**: từ đầu...thời trung đại 🡪 Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh  + **Phần 2**: tiếp... là vô ích 🡪 Những vấn đề của việc đọc sách  + **Phần 3**: còn lại 🡪 Nhắc lại về thông điệp của sách  - **Tóm tắt:** Có một lần Thánh Au-gu-xtinh do nghe giọng nói thì thầm của một em bé: “Hãy cầm lấy mà đọc” mà được thúc đẩy đi sâu vào nghiên cứu triết học và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại. Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện, lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách. Con người không ăn có thể chết nhưng người không đọc cũng có thể “chết” dần. Không phủ nhận vai trò của sách trong bối cảnh ngày càng tăng của các phương tiện hiện đại. Chữ nghĩa mang lại kiến thức, văn hóa cho con ngườ, chứa đựng nhiều điều kì diệu của nhân loại. Nền giáo dục không khuyến khích con người đọc sách là nền giáo dục phiến diện. Lâu nay chúng ta thường nghe những báo động về sự sa sút văn hóa đọc. Sách sinh ra là dùng để đọc, không phải để trưng bày. Hãy cầm sách lên và đọc |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được vấn đề của văn bản

- Phân tích được nội dung của vấn đề qua các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng

- Phân tích được kết thúc của văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  1. Vấn đề được bàn trong tác phẩm là gì?  2. [Nêu tác dụng của cách mở đầu vă](https://blogtailieu.com/)n bản bằng việc kể lại câu chuyện?  3. Mục đích kể chuyện của người viết?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Vấn đề nghị luận**  - Câu chuyện huyền bí về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh  **- Vấn đề**: bàn về việc đọc sách 🡪 Vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với nhiều người.  **- Thông điệp: «Hãy cầm lấy và đọc» 🡪** hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.  **- Tác dụng của cách gợi dẫn vấn đề**  + Tạo ấn tượng, khơi gợi sự tò mò của người đọc về vấn đề được bàn tới  + Từ câu chuyện của Thánh, tác giả khéo léo kết nối với vấn đề mình muốn đề cập tới.  + Câu chuyện mở đầu văn bản tạo nên sự hấp dẫn, như là một dẫn chứng quan trọng cho văn bản |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu học sinh chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ sau  + **Nhóm 1:** a. Cách lí giải về thông điệp «Hãy cầm lấy và đọc»  + **Nhóm 2:** b. Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống con người  + **Nhóm 3**: c. Điều kiện để giải quyết tình trạng sa sút trong văn hóa đọc  + **Nhóm 4:** d, Đọc sách là một kiểu trải nghiệm  - Thời gian: 10 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bàn luận về vấn đề**  **Vấn đề**: bàn về việc đọc sách 🡪 Vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với nhiều người.  **a. Cách lí giải về thông điệp «Hãy cầm lấy và đọc»**  - Được coi như một thông điệp của văn bản để kêu gọi mọi người  + Hãy tiếp xúc trực tiếp với cuốn sách, tự trải nghiệm mà không qua một trung gian nào.  + Việc tự tiếp xúc với sách sẽ khác với việc nghe người khác nói lại (được trực tiếp có cảm xúc và tiếp xúc với ngôn từ)  + Việc đọc sách sẽ là một trải nghiệm cho bản thân  **b. Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống con người**  ***- Lí lẽ***: Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.  ***- Bằng chứng***: Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào.  ***- Lí lẽ***: Một nền giáo dục không khuyến khích con người đọc sách là một nền giáo dục phiến diện  ***- Bằng chứng***: Tạo ra còn người nông cạn về tinh thần, những con người một chiều kích. Đọc sách là cả một cuộc khám phá, chinh phục...  ***- Lí lẽ***: Đánh thức những giá trị tinh thần  ***- Bằng chứng***: sự xuất hiện của sách điện tử, internet, chữ in nổi 🡪 sự phát triển của nhân loại...; Trí tuệ và tâm tư gắn liền với ngôn ngữ, tiếng nói và chữ viết...  **🡪** NT: Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.  **c. Điều kiện để giải quyết tình trạng sa sút trong văn hóa đọc**  **- Chủ thể đọc** (con người): Phải ham đọc  **- Đối tượng đọc** (sách): Phải có sách hay, thu hút  🡪 Tác động qua lại với nhau. Thiếu một trong hai, tình trạng sa sút trong văn hóa đọc sẽ khó cải thiện được  ***- NT: Phân tích tỉ mỉ, chi tiết.***  **d, Đọc sách là một kiểu trải nghiệm**  **\* Có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì**:  - Trải nghiệm về cách đọc sách, người đọc sẽ tìm ra một cách đọc phù hợp với bản thân mình.  - Trải nghiệm cùng nội dung của cuốn sách, người đọc sẽ có thêm những hiểu biết mới dựa vào nội dung của sách, đó chính là một sự trải nghiệm.  ***🡪 Liên hệ thực tiễn.*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: Em hãy nhận xét về cách kết thúc vấn đề của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Kết thúc vấn đề**  **- Nhắc lại thông điệp về đọc sách** 🡪 **Kết thúc đầu cuối tương ứng**  🡪 Tạo tính liên kết chặt chẽ cho văn bản, khẳng định tính thuyết phục của ý kiến được đưa ra để bàn luận |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ bằng cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục…  **2. Nội dung**  Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút băn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ vững văn hóa, mở mang tri thức. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh xem video và tổ chức hoạt động GÓC CHIA SẺ*

- Em có thói quen đọc sách không?

- Em thấy mình đã đọc sách đúng cách hay chưa?

- (Nếu chưa) Cách khắc phục?

- Theo em, sách mang lại điều gì cho bản thân?

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS*: chọn 1 trong 2 đề sau:

+ Viết đoạn văn (khoảng 6-8 câu) với chủ đề: Sách là để đọc, không phải để trưng bày.

+ Vấn đề “lười đọc”, “sa sút văn hóa đọc” là một vấn đề đáng báo động hiện nay. Theo em, cần làm gì để khơi gợi hứng thú đọc sách ở mỗi người? Hãy trình bày bằng đoạn văn từ 6-8 câu chia sẻ ý kiến của em.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*